

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA

-----oOo-----

PHỤ LỤC
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT GIẤY
VÀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY TRẮNG PHẦN CAO CẤP
THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA

Địa chỉ: Thôn An Hòa, Xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang

Bao gồm:

- Phiếu kết quả phân tích (nước thải, khí thải)
- Hợp đồng mua hóa chất
- Hợp đồng mua nhiên liệu (xăng, dầu)
- Hóa đơn sử dụng điện
- Bản vẽ mặt bằng và bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường

Tuyên Quang, tháng 8 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
NĂM 2024 VÀ NĂM 2025**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS I315

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIẤY
AN HÒA

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03294/2024/PKQ/24.1389

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Tọa độ: X=21.73045, Y=105.28193
Ngày quan trắc	11/04/2024
Ngày phân tích	11/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

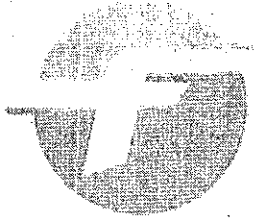
II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tin hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

* CHÚ Ý: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TẠI THỜI ĐIỂM LẤY MẪU HOẶC NHẬN MẪU GỬI.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

1, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Chứng chỉ nhận hợp đồng dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC

Số: 03294/2024/PKQ/24.1389

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
 - + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
 - + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

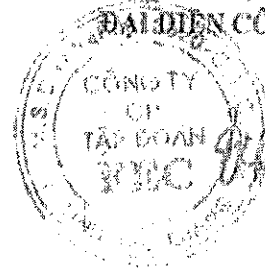
TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY

1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiên này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Thời hạn lưu trữ mẫu: Công ty không có bất kỳ trách nhiệm nào khiếm khuyết kết quả phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

TẬP ĐOÀN FEC nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 03295/2024/PKQ/24.1389

BIỂU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

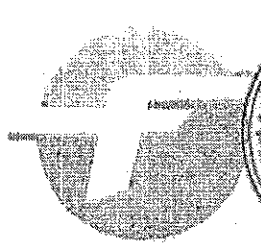
Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.72576, Y=105.27434
Ngày quan trắc	11/04/2024
Ngày phân tích	11/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,30	6 - 9	6 - 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,1	40	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	75	75
6	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,09	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	-	20
11	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0071	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	-	0,2
14	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	-	1
15	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	0,5
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị nếu mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhận viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Đang nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

QUY TRÌNH LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH

Số: 03295/2024/PKQ/24.1389

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	5
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	450	-	3.000
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Công ty đang nhân hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06055/2024/PKQ.24.3089

VILAS 1315

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vinh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	01/07/2024
Ngày phân tích	01/07/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	42	75	75
3	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,53	-	-
4	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,42	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quý khách hàng vui lòng gửi mẫu thử nghiệm đúng quy cách và nhận kết quả phân tích.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC HIỆT TẠO NIÊN GIÁ TRỊ

Số: 06055/2024/PKQ.24.3089

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

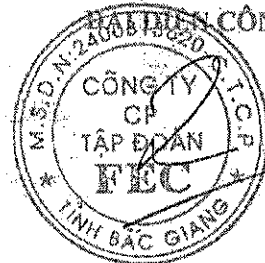
Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
BM03.QT/CI.09 - LBH: 01



Chúng tôi công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315
I. THÔNG TIN CHUNG

III. KẾT QUẢ

BMG.DT.C09 - LBR:01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 05783/2024/PKQ/24.2110

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	5
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	780	-	3.000
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 07 năm 2024

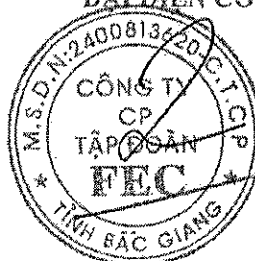
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tập lấy mẫu.
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Công ty đang nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC RIÊT TẠO NỀN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06597/2024/PKQ.24.2799

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	17/06/2024
Ngày phân tích	17/06/2024 đến 19/07/2024
Ngày trả kết quả	19/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(**)	mg/L	TCVN 6493:2008	<1	7,5	-
2	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) ^(**)	pgTEQ/L	US EPA Method 1613B	0,0000	15	-

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;

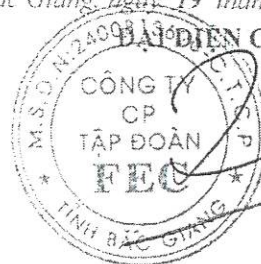
- (-): Không quy định;

- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ: Thông số (1) được phân tích bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Phòng phân tích độc chất môi trường: Vimcerts 079 - Thông số (2) được phân tích bởi Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia – Vimcerts 251.

Bắc Giang, ngày: 19 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

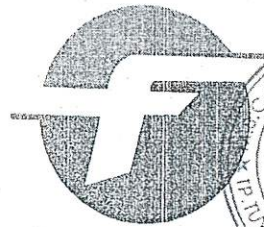
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC IỆT TẠO NỀN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10712/2024/PKQ.24.5349

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	22/10/2024
Ngày phân tích	22/10/2024 đến 30/10/2024
Ngày trả kết quả	30/10/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0015	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhận viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp gửi.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn bảo quản, mẫu thử nghiệm không còn giá trị.

KI. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

CHI Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09105/2024/PKQ/24.3719

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	18/09/2024
Ngày phân tích	18/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	8,2	6 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,0	40	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	15	50	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	75	75
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL=0,3)	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,09	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	-	20
11	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL=0,0004)	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	0,037	-	0,2
14	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,28	-	1
15	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 09105/2024/PKQ/24.3719

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	3.000
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	170	-	0,2
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	-	

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định; (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

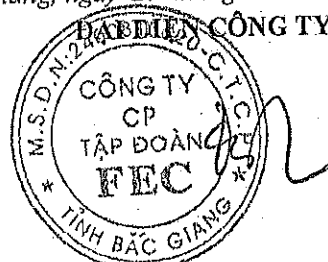
NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Lê Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhận viện Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số: 703/TN-TĐC

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11669/2024/PKQ.24.4884

I. THÔNG TIN CHỦNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy - Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước sạch
Vị trí quan trắc	NSH.01: Nước sinh hoạt khu vực nhà ăn Toạ độ: X=21.729804, Y=105.276718
Ngày quan trắc	11/11/2024
Ngày phân tích	11/11/2024 đến 19/11/2024
Ngày trả kết quả	19/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT Ngưỡng giới hạn cho phép
				NSH.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,3	6 ÷ 8,5
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	100	1.000
3	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(*)	mg/L	TCVN 6224:1996	104	300
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	KPH (MDL=0,02)	0,3
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180: 1996	1,11	2
6	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6178: 1996	KPH (MDL=0,009)	0,05
7	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	<6	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	0,3
9	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,015)	0,1
10	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	1
11	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,06	2
12	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,003
13	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	-
14	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,001
15	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0015	0,01
16	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	<3
17	Xyanua (CN) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	0,05

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CI.09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số: 703/TN-TĐC

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC HIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 11669/2024/PKQ.24.4884

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thống số đã được công nhận Vilas.

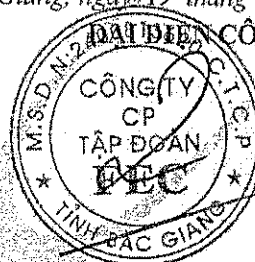
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2024



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1315

Số: 11716/2024/PKQ.24.4892

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	12/11/2024
Ngày phân tích	13/11/2024 đến 20/11/2024
Ngày trả kết quả	20/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	17	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	33	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0017	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0061	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC lấy mẫu.
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01

Phan Thị Cảnh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 11715/2024/PKQ.24.4893

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	12/11/2024
Ngày phân tích	12/11/2024 đến 20/11/2024
Ngày trả kết quả	20/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,6	6 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	27,2	40	40
3	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	27	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	50	50
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	41	75	75
6	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL=0,3)	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	KPH (MDL=0,02)	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	KPH (MDL=3)	-	20
11	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0885	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D: 2023	<0,030	-	0,2
14	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
15	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,37	-	0,5
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 11715/2024/PKQ.24.4893

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0024	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	5
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	23	-	100
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	-	0,3

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

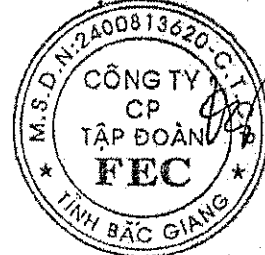
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC RIẾT TẠO NỀN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03294/2024/PKQ/24.1389

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.73045, Y=105.28193
Ngày quan trắc	11/04/2024
Ngày phân tích	11/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC HIẾT TẠO DIỆN CỦA TẬP ĐOÀN

Số: 03294/2024/PKQ/24.1389

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

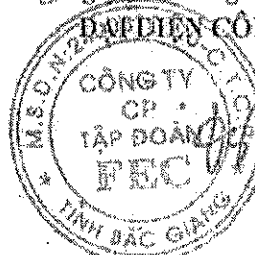
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

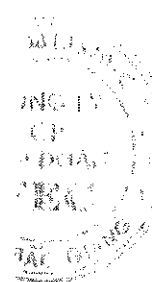
TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024



KI. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Lê Thị Thảo



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 03295/2024/PKQ/24.1389

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.72576, Y=105.27434
Ngày quan trắc	11/04/2024
Ngày phân tích	11/04/2024 đến 19/04/2024
Ngày trả kết quả	19/04/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,30	6 - 9	6 - 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,1	40	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	75	75
6	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,09	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	-	20
11	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0071	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	-	0,2
14	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	-	1
15	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	0,5
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Các kết quả được đưa ra dưới dạng trung bình của các mẫu thử nghiệm được thực hiện theo quy trình phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Đang nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC BỤY TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03295/2024/PKQ/24.1389

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	5
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	450	-	3.000
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

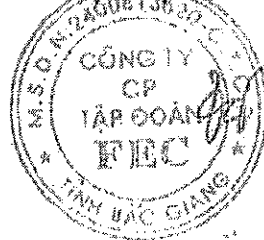
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Nhung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Phiếu không thay thế cho việc phân tích mẫu thử nghiệm tại phòng thí nghiệm phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315



PHIÊN KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06055/2024/PKQ.24.3089

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	01/07/2024
Ngày phân tích	01/07/2024 đến 09/07/2024
Ngày trả kết quả	09/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	42	75	
3	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,53	-	
4	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,42	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

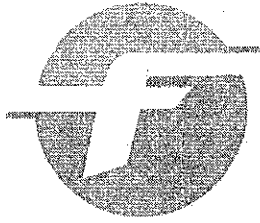


1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhận viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiên này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Nếu mẫu gửi sai mẫu, công ty không giữ quyền xử lý khách hàng khi gửi mẫu sai quy định;

BM03.QT/CL.09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 06055/2024/PKQ.24.3989

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

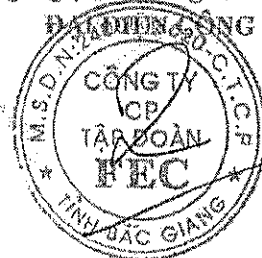
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 09 tháng 07 năm 2024



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm dựa khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



Số: 05783/2024/PKQ/24.2110

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	22/06/2024
Ngày phân tích	22/06/2024 đến 03/07/2024
Ngày trả kết quả	03/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,60	6 ÷ 9	6
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	32,8	40	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	KPH (MDL=3)	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	26	75	75
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	10	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL=0,3)	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,09	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	KPH (MDL=3)	-	20
11	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0022	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	0,052	-	0,2
14	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023.	<0,15	-	1
15	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023.	KPH (MDL=0,025)	-	0,5
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Không được sửa đổi hoặc xóa bỏ bất kỳ nội dung nào trong phiếu này; nếu có sửa đổi phải được ghi rõ và có chữ ký của người chịu trách nhiệm;

BM03.QT/CI.09 - L.BH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 05783/2024/PKQ/24.2110

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	3,000
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	780	-	3,000
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 07 năm 2024

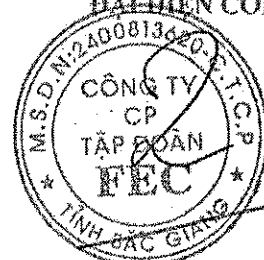
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC.
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06597/2024/PKQ.24.2799

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	17/06/2024
Ngày phân tích	17/06/2024 đến 19/07/2024
Ngày trả kết quả	19/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(**)	mg/L	TCVN 6493:2008	<1	7,5	-
2	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ) ^(**)	pgTEQ/L	US EPA Method 1613B	0,0000	15	-

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;

- (-): Không quy định;

- (**): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ: Thông số (1) được phân tích bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Phòng phân tích độc chất môi trường: Vimcerts 079 - Thông số (2) được phân tích bởi Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia – Vimcerts 251.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024

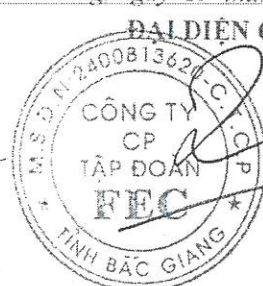
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có mặt tại thời điểm lấy mẫu.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

BM03.QT/CI.09 - LBH:01

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10712/2024/PKQ.24.5349

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	AN Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vinh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	22/10/2024
Ngày phân tích	22/10/2024 đến 30/10/2024
Ngày trả kết quả	30/10/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0015	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

FEC TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC lấy mẫu.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

GIẤY

Số: 09105/2024/PKQ/24.3719

I. THÔNG TIN CHUNG

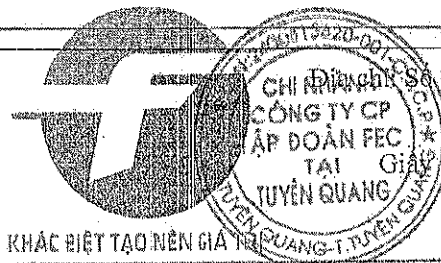
Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	18/09/2024
Ngày phân tích	18/09/2024 đến 27/09/2024
Ngày trả kết quả	27/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	8,2	6 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,0	40	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	15	50	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	75	75
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL=0,3)	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,09	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	-	20
11	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL=0,0004)	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	0,037	-	0,2
14	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,28	-	1
15	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.



GÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 09105/2024/PKQ/24.3719

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.02		
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	-	2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,06	-	3
19	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	0,2
20	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,1
21	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
22	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,05
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	-	3,000
25	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	170	-	0,2
26	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	-	0,2

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định; (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

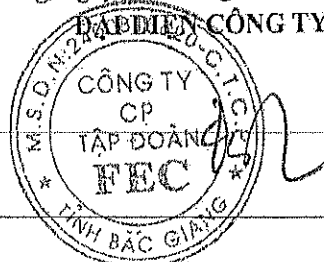
Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

Phan Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn
Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1315

Số: 11716/2024/PKQ.24.4892

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sau HTXL trước khi thải ra hồ sinh học Toạ độ: X=21.730570, Y=105.281882
Ngày quan trắc	12/11/2024
Ngày phân tích	13/11/2024 đến 20/11/2024
Ngày trả kết quả	20/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	TSS(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	17	50	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	33	75	75
3	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
4	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	-	0,5
5	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0017	-	0,1
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	-	0,05
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0061	-	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	-	0,005

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; - (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



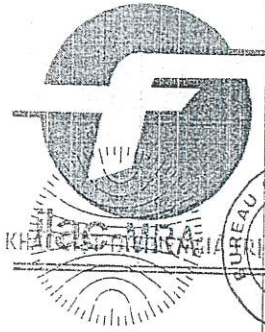
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC lấy mẫu tại địa điểm quan trắc.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

Phạm Thị Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

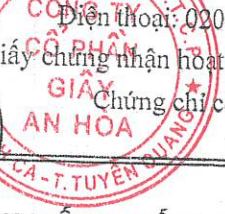
Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



Số: 11715/2024/PKQ.24.4893

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

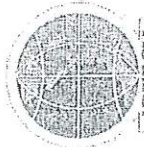
Tên khách hàng	Công ty cổ phần giấy An Hòa
Địa chỉ	Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải tại ống thoát trước khi thải ra sông Toạ độ: X=21.725727, Y=105.274132
Ngày quan trắc	12/11/2024
Ngày phân tích	12/11/2024 đến 20/11/2024
Ngày trả kết quả	20/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT Cột A
				NT.01		
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,6	6 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	27,2	40	40
3	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	27	50	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	50	50
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	41	75	75
6	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	30	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	-	5
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL=0,3)	-	1
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	KPH (MDL=0,02)	-	4
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	KPH (MDL=3)	-	20
11	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0885	-	0,1
12	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	-	0,07
13	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D: 2023	<0,030	-	0,2
14	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	-	1
15	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,37	-	0,5
16	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	-	0,05

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

Quỹ 3/2025



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com

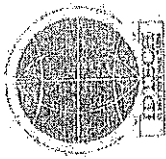


Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Sơn Dương - Tuyên Quang
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 09/04/2025

Số mẫu: 2
Ngày trả kết quả: 29/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
1	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	14,9	17,6	27	27
2	Clorid	TCVN 6225-2:2017	mg/L	0,9	0,4	0,9	-
3	Sunfua	SMEWW 4500-S2-B&D:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,18	-
4	Tổng Nitơ	TCVN 6638 : 2000	mg/L	3,1	KPH (MDL=3,0)	18	-
5	Tổng Phot pho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,08	0,13	3,6	-
6	Tổng xianua	SMEWW 4500-CN-C&E:2017	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,063	-
7	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,49	0,41	0,9	-
8	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,21	0,4	0,45	-
9	Đồng	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1,8	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



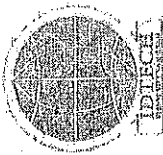
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERIS 236)
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
10	Kẽm	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,07	0,08	2,7	-
11	Niken	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,18	-
12	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,042	0,063	0,09	-
13	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0051	0,0059	0,045	-
14	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	KPH (MDL=0,0004)	0,045	-
15	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr-B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,008)	KPH (MDL=0,008)	0,045	-
17	Crom (III)	SMEWW 3111B:2017+SMEWW3500-Cr-B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	0,18	-
18	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,09	-
19	Tổng dầu mỡ, khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	3,5	3,9	4,5	-
20	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	900	2700	3.000	-
21	AOX*	TCVN 6493: 2008	mg/L	< 1***	< 1***	6,75	-
22	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)*	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0270	0,0610	13,5	-
	2,3,7,8-TCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	2,3,7,8-TCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-

- Tất cả kết quả thử nghiệm gửi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc. Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- Quý khách về mặt trường không quy định.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội

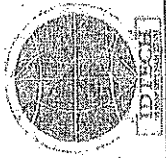
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiện phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
	2,3,4,7,8-PeCDF*	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ /L	0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	2,3,4,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD*			0,0000	0,0350	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF*			0,0150	0,0150	-	-
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	OCDD*			0,0110	0,0110	-	-
	OCDF*			0,0010	0,0010	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp.
- Thông số*: thông số gửi thân phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia
- Vị trí lấy mẫu:
- + NT01: Mẫu nước thải đi vào hồ sinh học. Tọa độ: 21,7305; 105,2818
- + NT02: Mẫu nước thải đi ra sông Lô. Tọa độ: 21,7291; 105,2737
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Các kết quả thí nghiệm gửi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày. Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERTS 236)
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

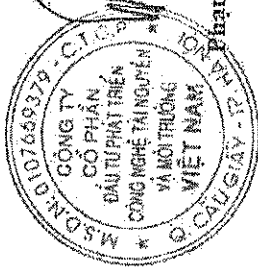
Địa chỉ: Lô B6, Khu đấu giá Quyền sử dụng đất Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024.66512336 Email: idtechvn.info@gmail.com

- + QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy
- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC



Phạm Hoa Cường

Nguyễn Trung Kiên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (c) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02525/2025/PKQ (IDTECH/25.675)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 25/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 25/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 12-MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
					NT01		
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	0,03	< 1	6,75	-
2	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0270	13,5	-
3	2,3,7,8-TCDF			0,001	0,0000	-	-
4	2,3,7,8-TCDD			0,001	0,0000	-	-
5	1,2,3,7,8-PeCDD			0,001	0,0000	-	-
6	1,2,3,7,8-PeCDF			0,001	0,0000	-	-
7	2,3,4,7,8-PeCDF			0,001	0,0000	-	-
8	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
9	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
10	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
11	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
12	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
13	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
14	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 02525/2025/PKQ (IDTECH/25.675)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 12-MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
					NT01		
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,001	0,0000	-	-
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,001	0,0150	-	-
17	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			0,001	0,0000	-	-
18	OCDD			0,001	0,0110	-	-
19	OCDF			0,001	0,0010	-	-

Ghi chú – Remark:

- NT01: NG.WW.100425.02575;
- QCVN 12-MT: 2015/ BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, Cột A – Cmax: Kq = 1,0, Kf = 0,9;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A – Cmax: Kq = 1,0, Kf = 0,9;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079;
- (-): Không quy định;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), TEQ = TEF x Hàm lượng;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

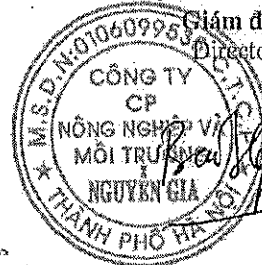
Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025

Giám đốc
Director

Nguyễn Thế Lâm

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003



VIMCERTS 251



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02526/2025/PKQ (IDTECH/25.675)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client :	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address :	Số 19, Ngõ 84 phố Yên Hoà, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	10/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/04/2025 – 25/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 25/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 12-MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
					NT02		
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	0.03	< 1	6,75	-
2	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0610	13,5	-
3	2,3,7,8-TCDF			0,001	0,0000	-	-
4	2,3,7,8-TCDD			0,001	0,0000	-	-
5	1,2,3,7,8-PeCDD			0,001	0,0000	-	-
6	1,2,3,7,8-PeCDF			0,001	0,0000	-	-
7	2,3,4,7,8-PeCDF			0,001	0,0000	-	-
8	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
9	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
10	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,001	0,0000	-	-
11	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
12	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
13	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,001	0,0000	-	-
14	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,001	0,0000	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 02526/2025/PKQ (IDTECH/25.675)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
					NT02		
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,001	0,0350	-	-
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,001	0,0150	-	-
17	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			0,001	0,0000	-	-
18	OCDD			0,001	0,0100	-	-
19	OCDF			0,001	0,0010	-	-

Ghi chú – Remark:

- NT02: NG.WW.100425.02576;
- QCVN 12-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, Cột A – Cmax: Kq = 1,0, Kf = 0,9;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A – Cmax: Kq = 1,0, Kf = 0,9;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079;
- (-): Không quy định;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), TEQ = TEF x Hàm lượng;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

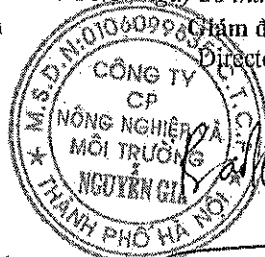
Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Vũ Thị Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025



Giám đốc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc



NGUYEN GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA
Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

Quy III/2025



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đất giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtech.vn.info@gmail.com](mailto:info@idtech.vn)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 311/2025/PKQ/25.47/KQTN

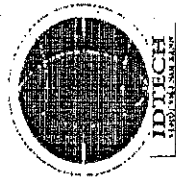


Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 11/09/2025

Số mẫu: 2
Ngày trả kết quả: 23/10/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT01	NT02			
1	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	15,8	16,7	27	27	A (F>2000 m ³ /ngày)
2	Clo dư	TCVN 6225-2:2017	mg/L	0,8	0,5	0,9	-	≤ 30
3	Sunfua	SMEWW 4500-S ₂ -B&D:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,18	-	≤ 1,0
4	Tổng Nito	TCVN 6638 : 2000	mg/L	KPH	KPH (MDL=3)	18	-	≤ 0,2
								≤ 20

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quý khách vui lòng kiểm tra kỹ nội dung phiếu kết quả trước khi ký nhận.
- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

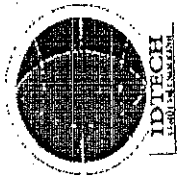
Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT01	NT02			
				(MDL=3)		A ($K_q=1,0$; $K_c=0,9$)		A ($F>2000$ $m^3/ngày$)
5	Tổng Phot pho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,03	0,07	3,6	-	≤ 8,0
6	Tổng xianua	SMEWW 4500-CN- C&E:2017	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,063	-	≤ 0,2
7	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,83	0,72	0,9	-	≤ 2,0
8	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/L	2,04	0,33	0,45	-	≤ 2,0
9	Đồng	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1,8	-	≤ 1,0
10	Kẽm	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,17	0,16	2,7	-	≤ 1,0
11	Niken	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0044	0,0065	0,18	-	≤ 0,1
12	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0164	0,0174	0,09	-	≤ 0,1
13	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0042	0,0105	0,045	-	≤ 0,02
14	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,0005	0,045	-	≤ 0,05
15	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-	≤ 0,001
16	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,008)	KPH (MDL=0,008)	0,045	-	≤ 0,1

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtechvn.info@gmail.com](mailto:info@idtechvn.com)

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT01	NT02			
17	Crom (III)	SMEWW 3111B:2017+SMEWW3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	0,18	-	-
18	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,09	-	≤ 1,0
19	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	700	1,1x10 ³	3.000	-	≤ 3 000
20	AOX*	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1	<1	6,75	-	≤ 7,5
21	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)*	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0030	0,0040	13,5	-	≤ 10
	2,3,7,8-TCDF*	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000	0,0000	-	-	-
	2,3,7,8-TCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	2,3,4,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

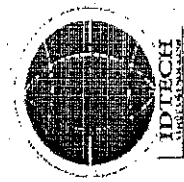
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Phiếu kết quả này không thể được sử dụng để chứng minh hoặc bác bỏ bất kỳ khiếu nại nào

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT01	NT02			
	1,2,3,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	2,3,4,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	OCDD*			0,0030	0,0040	-	-	-
	OCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Thông số*: thông số gửi đầu phụ (Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia)
- Vị trí lấy mẫu:
 - + NT01: Nước thải đi vào hồ sinh học. Tọa độ: 2404392; 425195
 - + NT02: Nước thải đi ra sông Lô. Tọa độ: 2404005; 425516
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

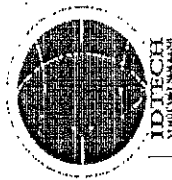
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincert



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

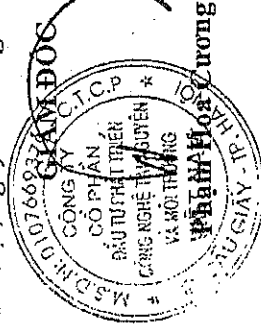
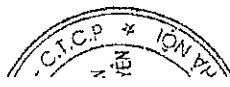
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: ldtechvn.info@gmail.com

- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- + QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy
- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- + QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + A: Cột A quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn nước tiếp nhận có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức A Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc theo quy định của Ủy ban dân dân cấp tỉnh

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền



- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcert

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao mỗi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các chỉ số hóa học, vật lý, vi sinh, môi trường không được ghi nếu không có yêu cầu của khách hàng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idthechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*Số: 318/2025/PKQ/25.47/KQTN

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 2
Ngày quan trắc : 11/09/2025 Ngày trả kết quả: 23/10/2025

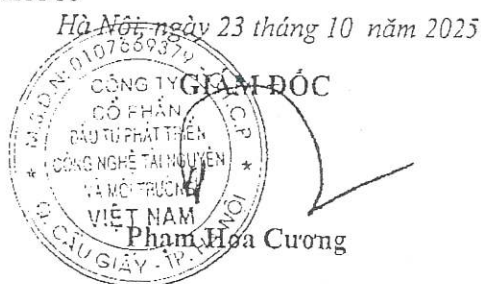
TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Tổng dầu mỡ, khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	3,5	2,9

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu:
- + NT01: Nước thải điểm vào hồ sinh học. Tọa độ: 2404392; 425195
- + NT02: Nước thải điểm ra sông Lô. Tọa độ: 2404005; 425516

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiên



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecert
- (-): không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05339/2025/PKQ (IDTECH/25.1511)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	12/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 13/09/2025 – 01/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 01/10/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT01
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,00000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			0,0000
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,0000





NGUYEN GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 05339/2025/PKQ (IDTECH/25.1511)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT01
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000
17	OCDD			0,0030
18	OCDF			0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			0,0030

Ghi chú – Remark:

- NT01: NG.WW.120925.06099;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng (chỉ áp dụng mẫu khách hàng gửi đến);
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

(Signature)

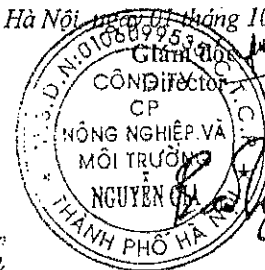
Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

(Signature)

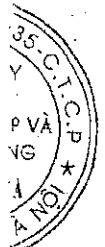
Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 05340/2025/PKQ (IDTECH/25.1511)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

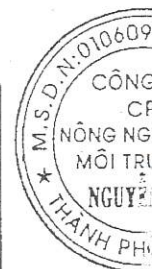
Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	12/09/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 13/09/2025 – 01/10/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 01/10/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT2
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,0000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			0,0000
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,0000



Handwritten signature



NGUYEN GIA

VIMCERTS_251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengia.vn

Email: nguyengia.vn@gmail.com

Hotline: 0338572255

Số/No.: 05340/2025/PKQ (IDTECH/25.1511)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT2
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000
17	OCDD			0,0040
18	OCDF			0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			0,0040

Ghi chú – Remark:

- NT2: NG.WW.120925.06100;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng (chỉ áp dụng mẫu khách hàng gửi đến);
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

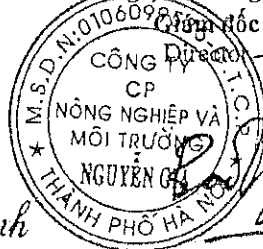
Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



IDTECH
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
E-mail: idechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 223/2025/PKQ/25.30/KQTN

Tên khách hàng
Địa chỉ
Địa điểm quan trắc
Loại mẫu
Ngày quan trắc

: Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
: Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
: Tuyên Quang
: Nước thải
: 17/06/2025

Số mẫu: 2

Ngày trả kết quả: 04/09/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
1	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	12,2	14,4	27	27
2	Clo dư	TCVN 6225-2:2017	mg/L	0,6	KPH (MDL=0,3)	0,9	-
3	Sunfua	SMEWW 4500-S2- B&D:2017	mg/L	0,05	KPH (MDL=0,03)	0,18	-
4	Tổng Nitơ	TCVN 6638 : 2000	mg/L	KPH (MDL=3)	KPH (MDL=3)	18	-
5	Tổng Phot pho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,57	0,21	3,6	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giữ quy về việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Tincert



IDTECH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
6	Tổng xianua	SMEWW 4500-CN- C&E:2017	mg/L	0,002	KPH (MDL=0,001)	0,063	-
7	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,15	0,34	0,9	-
8	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,71	0,16	0,45	-
9	Đồng	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1,8	-
10	Kẽm	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,05	0,06	2,7	-
11	Niken	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,006	0,008	0,18	-
12	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,015	0,037	0,09	-
13	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0047	0,0117	0,045	-
14	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	KPH (MDL=0,0004)	0,045	-
15	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,0006	0,005	-
16	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,008)	KPH (MDL=0,008)	0,045	-
17	Crom (III)	SMEWW 3111B:2017+SMEWW 3500- Cr.B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	0,18	-
18	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	0,09	-
19	Tổng dầu mỡ, khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	2,0	4,0	4,5	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Quá thời hạn hiệu lực phòng phân tích chất lượng môi trường không gửi quyet việc khiếu nại.

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcert



ID TECH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VINCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idtechvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02		
20	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	900	$2,4 \times 10^3$	3.000	-
21	AOX*	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1**	<1**	6,75	-
22	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)*	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ /L	0,0000	0,0000	13,5	-
	2,3,7,8-TCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	2,3,7,8-TCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	2,3,4,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	2,3,4,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD*			0,0000	0,0000	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quả thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
E-mail: idechvn.info@gmail.com
Điện thoại: 024.66512336

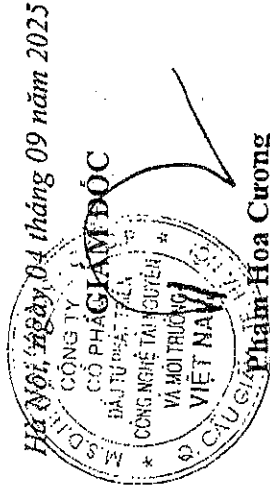
TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT
				NT01	NT02	A ($K_q=1,0$; $K=0,9$)	
				0,0000	0,0000	-	-
				0,0000	0,0000	-	-
				0,0000	0,0000	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu:
- + NT01: Nước thải điểm vào hồ sinh học. Tọa độ: 2404392; 425195
- + NT02: Nước thải điểm ra sông Lô. Tọa độ: 2404005; 425516
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- + QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy
- + A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (t): không quy định

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



NGUYEN GIA

VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04489/2025/PKQ (IDTECH/25.1193)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đầu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 25/08/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT01
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pg/L	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,0000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			0,0000
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,0000
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			0,0000





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 04489/2025/PKQ (IDTECH/25.1193)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT01
17	OCDD	US EPA METHOD 1613B	pg/L	0,0000
18	OCDF			0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)		pgTEQ/L	0,0000

Ghi chú – Remark:

- NT01: NG.WW.170625.04658;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc

199533
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
NGUYỄN GIA
HÀ NỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003



NGUYEN GIA

VIMCERTS 251

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.comEmail: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04490/2025/PKQ (IDTECH/25.1193)

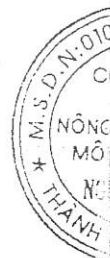
I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Lô B6, Khu đấu giá Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	17/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 25/08/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT02
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493: 2008	mg/L	<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			0,0000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			0,0000
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF			0,0000
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			0,0000





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

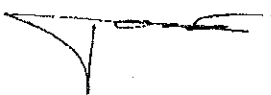
Số/No.: 04490/2025/PKQ (IDTECH/25.1193)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				NT02
17	OCDD	US EPA METHOD 1613B	pg/L	0,0000
18	OCDF			0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)		pgTEQ/L	0,0000

Ghi chú - Remark:

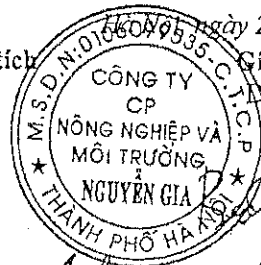
- NT02: NG.WW.170625.04659;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC


Nguyễn Thế Lâm

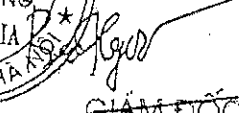
Trưởng phòng phân tích
Supervised by


Hoàng Thị Hồng Anh



ngày 25 tháng 08 năm 2025

Giám đốc
Director


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc

6099
CÔNG TY
CP
NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
NGUYỄN GIA
PHỐ HÀ NỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

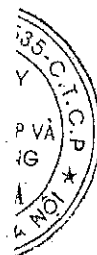
Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003



Quỹ 30/2025

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)



Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đấu giá Văn Phúc, Phường Văn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: 024.66512336
E-mail: idechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 973/2025/PKQ/25.69/KQTN

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA
Địa chỉ : Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 05/12/2025

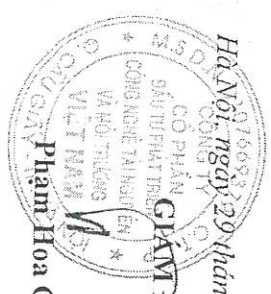
Số mẫu: 2
Ngày trả kết quả: 29/12/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả	
				NT.AH.01	NT.AH.02
1	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F.2023	mg/L	4,5	<4,4 (LOQ=4,4)

Ghi chú:
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu:
+ NT.AH.01: Nước thải điểm vào hồ sinh học. Tọa độ: 2404392; 425195
+ NT.AH.02: Nước thải điểm ra sông Lô. Tọa độ: 2404005; 425516

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Phương Hiền

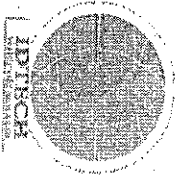


Phạm Hoa Cương

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.

- (-): Không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quản trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336
E-mail: idirchvn.info@gmail.com

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT.AH.01	NT.AH.02			
	2,3,4,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	A (K _d =1,0; K _f =0,9)	A (K _d =1,0; K _f =0,9)	A (E>2000 m ³ /ngày)
	1,2,3,4,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,6,7,8-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8,9-HxCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	OCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	OCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- Phải bảo quản mẫu thử để lại với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn hạn mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERT





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quản trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu đầu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.66512336

E-mail: idiechvn.info@gmail.com

- Thông số*: thông số giá thầu phụ (Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia)

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT.AH.01: Nước thải điểm vào hồ sinh học. Tọa độ: 21,7304; 105,2820

+ NT.AH.02: Nước thải điểm ra sông Lô. Tọa độ: 21,7294; 105,2740

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ QCVN 12-MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy

+ A: Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A: quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn nước tiếp nhận có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mục A Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**PHÒNG QUẢN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền

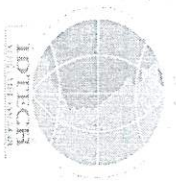


GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

- Phân bổ giá này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần hoặc giá này nên không được sử dụng ở các Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcert



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERI 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu dân cư Văn Phú, Phường Văn Phú, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: idechvn.info@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 972/2025/PKQ/25.69/KQTN

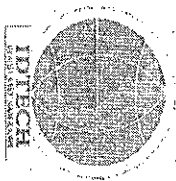
Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy An Hoà
Địa chỉ : Thôn An Hoà, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Tuyên Quang
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 21/11/2025

Số mẫu: 2
Ngày trả kết quả: 29/12/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 12- MT:2015/ BTNMT	QCVN 40:2025/ BTNMT
				NT.AH.01	NT.AH.02			
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)*	TCVN 6493:2008	mg/L	<1	<1	A (K _d =1,0; K _f =0,9)	A (K _d =1,0; K _f =0,9)	A (F>2000 m ³ /ngày)
	Tổng Dioxin/Furan*			0,0000	0,0000	13,5	-	≤ 10
	2,3,7,8-TCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
	2,3,7,8-TCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
	1,2,3,7,8-PeCDD*			0,0000	0,0000	-	-	-
2	1,2,3,7,8-PeCDF*			0,0000	0,0000	-	-	-
				0,0000	0,0000	-	-	-
				0,0000	0,0000	-	-	-
				0,0000	0,0000	-	-	-
				0,0000	0,0000	-	-	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao môi phân tích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- (-): Không quy định.
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERI





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIMCERT 236)

Phòng quan trắc và phân tích chất lượng môi trường

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19C, ngõ 84, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B6 Khu dân giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

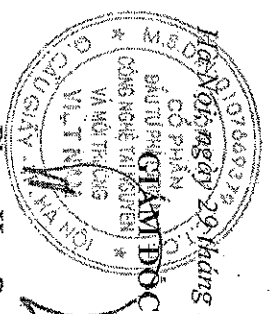
Điện thoại: 024.66512336 E-mail: [idtech.vn.info@gmail.com](mailto:info@idtech.vn)

Ghi chú:

- Các thông số *: Thông số đầu phụ Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia.
- Kết quả (**): Kết quả đo thấp hơn giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo.
- Kết quả (***): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.
 - + QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải. Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động nằm trong vùng hạn chế phát thải.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + KT07 : Ống khói (Lò với)
 - + Toạ độ: 21,7264; 105,2814

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Phương Hiền



Phạm Hoa Cương



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Quá thời hạn lưu mẫu phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại

- (-): không quy định
- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận (Imcert)



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07427/2025/PKQ (IDTECH/25.1962)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	: Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NTAH01: Nước thải (điểm vào hồ sinh học) Tọa độ: 21,730449; 105,281982
Ngày quan trắc – Monitoring date:	21/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					NTAH01
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493:2008	mg/L		<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			-	0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			-	0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			-	0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			-	0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			-	0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			-	0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			-	0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			-	0,0000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			-	0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			-	0,0000





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

Số/No.: 07427/2025/PKQ (IDTECH/25.1962)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					NTAH01
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0000
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			-	0,0000
17	OCDD			-	0,0000
18	OCDF			-	0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			-	0,0000

Ghi chú – Remark:

- NTAH01: NG.WW.291125.07974;

- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;

- (-): Không quy định;

- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);

- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;

- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;

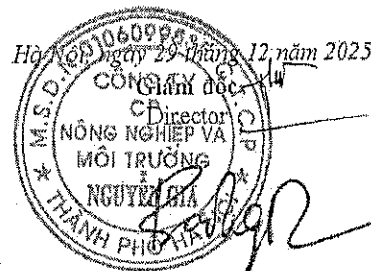
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thế Lâm

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 07428/2025/PKQ (IDTECH/25.1962)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

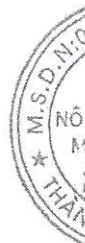
Khách hàng - Client	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Địa chỉ - Address	Số 19C, Ngõ 84, phố Yên Hòa, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA - Thôn An Hòa, xã Bình Ca, tỉnh Tuyên Quang.
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NTAH02: Nước thải (điểm ra sông Lô) Tọa độ: 21,729430; 105,273975
Ngày quan trắc – Monitoring date:	21/11/2025
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	29/11/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 30/11/2025 – 27/12/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 27/12/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					NTAH02
1	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ^(d)	TCVN 6493:2008	mg/L		<1
2	2,3,7,8-TCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0000
3	2,3,7,8-TCDD			-	0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDD			-	0,0000
5	1,2,3,7,8-PeCDF			-	0,0000
6	2,3,4,7,8-PeCDF			-	0,0000
7	1,2,3,4,7,8-HxCDD			-	0,0000
8	1,2,3,6,7,8-HxCDD			-	0,0000
9	1,2,3,7,8,9-HxCDD			-	0,0000
10	1,2,3,4,7,8-HxCDF			-	0,0000
11	1,2,3,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
12	1,2,3,7,8,9-HxCDF			-	0,0000
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF			-	0,0000
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD			-	0,0000





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com

Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

Số/No.: 07428/2025/PKQ (IDTECH/25.1962)

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result
					NTAH02
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	US EPA METHOD 1613B	pgTEQ/L	-	0,0000
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF			-	0,0000
17	OCDD			-	0,0000
18	OCDF			-	0,0000
19	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)			-	0,0000

Ghi chú - Remark:

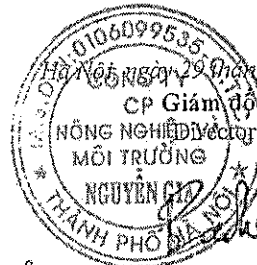
- NTAH02: NG.WW.291125.07975;
- (d): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ -VIMCERTS 079, chi tiết kết quả được thể hiện trong phiếu kết quả đi kèm;
- (-): Không quy định;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

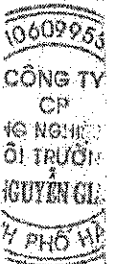
Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Nguyễn Thế Lâm

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Tầng 2-3-4 nhà B, số 103 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaena.com Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS 251

PHỤ LỤC

Phụ lục: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003

